

TƯ DUY HÌNH TƯỢNG VẬN ĐỘNG - ĐẶC THÙ TÂM LÝ CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC THỰC HÀNH

○ PHẠM KHUYNH DIỆP*

1. Khái niệm tư duy hình tượng vận động

Trong tâm lý học, tư duy hình tượng đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình nhận thức của con người (từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lí tính). Tuy nhiên, nhiều giáo viên (GV) dạy thực hành vẫn quan niệm rằng, dạy học thực hành (DHTH) chỉ liên quan chủ yếu đến hoạt động chân tay chứ không liên quan đến hoạt động nhận thức của con người. Đây là quan niệm sai lầm, lệch lạc. Những phân tích của chúng tôi trong bài viết này sẽ góp phần làm rõ vai trò của hoạt động trí tuệ trong hoạt động thực hành. Người thực hành phải điều khiển các hoạt động cơ bắp trong quá trình thực hành của họ. Đó là một dạng tư duy đặc thù - tư duy hình tượng vận động (TDHTVD).

Nếu GV nắm bắt được bản chất tâm lý đó sẽ định hướng quá trình DHTH theo hướng hiệu quả hơn so với phương pháp DHTH truyền thống.

Cần phải nhìn nhận cụ thể hơn khái niệm *tư duy hình tượng* trong tâm lý học. Tư duy hình tượng có thể có các dạng: *tư duy hình tượng tĩnh*, *tư duy hình tượng chuyển động*. *Tư duy hình tượng tĩnh* được dùng để nhận thức các đối tượng không có chuyển động tương đối (như bộ bàn ghế trong phòng, các loại trái cây trong đĩa lớn bày trên bàn...). Còn *tư duy hình tượng động* được dùng để nhận thức các đối tượng có chuyển động tương đối (như xe ô tô đang chạy, các cầu thủ đang đá bóng, hành động chơi cờ tướng...).

Trong các sự vật và hiện tượng có chuyển động lại có những chuyển động tương đối liên quan đến sự vận động. Trong các ví dụ trên đây, chuyển động của xe ô tô không liên quan đến sự vận động, nhưng các chuyển động của cầu thủ bóng đá hay hoạt động trí óc của người chơi cờ tướng đều có liên quan đến sự vận động. Như vậy, sự vận động là khái niệm để chỉ *sự vận hành não bộ hoặc cơ bắp* của động vật nói chung, con người nói riêng. Động vật và con người thường phải thực hiện các hệ vận động (là tập hợp các cử động, động tác/thao tác khác nhau nhưng có quan hệ

chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện một mục tiêu chung). Vận động của con vật mang tính bản năng. Nhưng đối với con người, để điều khiển hệ vận động của mình, trong não bộ con người diễn ra một quá trình tư duy đặc thù, gọi là TDHTVD. Như vậy, chỉ có con người mới có TDHTVD.

Theo chúng tôi, *TDHTVD là sự phản ánh trong não bộ con người dưới dạng các hình tượng vận động về các nguyên lí, các quá trình, các cách thức thực hiện đối với hệ vận động, nhằm tác động vào các đối tượng vật chất để thực hiện các quá trình nhất định đem lại lợi ích cho con người.*

TDHTVD diễn ra trong mọi hoạt động thực hành, đóng vai trò rất quan trọng trong dạy học thực hành.

Ví dụ: TDHTVD trong kĩ thuật: là sự phản ánh trong não bộ (một cách khái quát hoặc cụ thể) các nguyên lí vận động kĩ thuật, quá trình vận động kĩ thuật dưới dạng hình tượng vận động, nhằm tác động vào các đối tượng vật chất (máy, dụng cụ, vật liệu, năng lượng...) để thực hiện các quá trình công nghệ tạo ra sản phẩm (vật chất, tinh thần, dữ liệu...) đem lại lợi ích cho con người.

TDHTVD trong y khoa: là sự phản ánh trong não bộ (một cách khái quát hoặc cụ thể) các nguyên lí vận động y - sinh học, các quá trình vận động y-sinh học dưới dạng hình tượng vận động, nhằm tác động vào các đối tượng vật chất (cơ thể con người, thiết bị và dụng cụ y tế...) để thực hiện các quá trình chữa trị mọi mặt (cơ thể, tinh thần, tâm sinh lí...) đem lại sức khỏe cho con người.

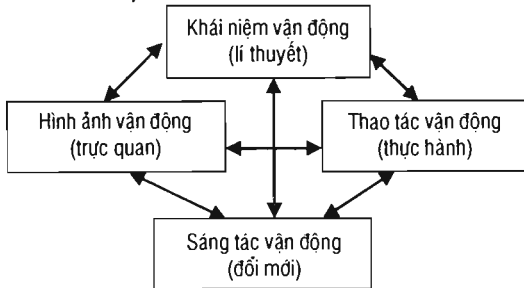
TDHTVD trong nghệ thuật: là sự phản ánh trong não bộ (một cách khái quát hoặc cụ thể) các nguyên lí vận động nghệ thuật, các quá trình vận động nghệ thuật dưới dạng hình tượng vận động, nhằm tác động vào các đối tượng vật chất (các bộ phận hình thể con người, các thiết bị ánh sáng, âm thanh...) để thực hiện các quá trình nghệ thuật (múa,

* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

sport-dancing, trượt băng nghệ thuật...) tạo ra sản phẩm tinh thần, tình cảm... cho con người.

2. Cấu trúc và đặc điểm của TDHTVĐ trong DHTH

TDHTVĐ được cấu trúc bởi bốn thành phần có quan hệ tương hỗ là: 1) **Khái niệm vận động (lí thuyết)** dựa trên các khái niệm về vận động, các mối quan hệ vận động logic và gắn bó với ngôn ngữ, nên nó có tính chất của tư duy trừu tượng; 2) **Hình ảnh vận động (trực quan)** dựa trên hình ảnh trực quan về vận động của đối tượng, nên nó có tính chất của tư duy hình tượng; 3) **Thao tác vận động (thực hành)** dựa trên thao tác cơ bắp hướng vào thực hiện các hành động, nên nó có tính chất của tư duy thao tác; 4) **Sáng tạo vận động (đổi mới)** dựa trên cơ sở tạo ra cách thức vận động mới và có tính ích lợi, nên nó có tính chất của tư duy sáng tạo (xem hình 1).



Hình 1. Cấu trúc của tư duy hình tượng vận động

TDHTVĐ mang những thuộc tính vốn có của tư duy nói chung như: tính khái quát, tính trừu tượng, dùng ngôn ngữ làm phương tiện, liên quan chặt chẽ với nhận thức cảm tính,... Đồng thời, TDHTVĐ cũng có những đặc điểm riêng có tính đặc thù:

1) TDHTVĐ thể hiện sự thống nhất chặt chẽ giữa các thành phần (lí thuyết, trực quan, thực hành và đổi mới), trong sự tác động qua lại và kết hợp không ngừng giữa các thao tác não bộ với các động tác cơ bắp. Vì vậy, muốn phát triển TDHTVĐ phải tiến hành đồng thời hàng loạt các thao tác não bộ kết hợp với động tác cơ bắp, làm cho chúng hỗ trợ nhau, kiểm tra thúc đẩy lẫn nhau.

Học viên (HV) muốn học thực hành đạt kết quả tốt phải được phát triển TDHTVĐ. Từ đó có thể rút ra kết luận sư phạm là: *khi dạy học thực hành, không chỉ quan tâm đến các động tác cơ bắp của HV mà phải luôn làm cho HV vận động não bộ (suy nghĩ) nhằm điều khiển các động tác cơ bắp để nhanh chóng hình thành kỹ năng, kỹ xảo.*

2) TDHTVĐ có mối quan hệ chặt chẽ giữa thành phần khái niệm vận động và thành phần hình ảnh vận động (trực quan). Khi tư duy để tìm ra cách thức thực hiện đối với hệ vận động, HV cần hình dung trong đầu hình tượng hệ vận động trong không gian 2 chiều (trong mặt phẳng) hoặc phổ biến hơn là trong không gian 3 chiều. Vì vậy có thể nhận định rằng, TDHTVĐ là tư duy trong không gian 2 chiều và không gian 3 chiều.

3) TDHTVĐ luôn nhằm đến tính ích lợi. Đó là, hệ vận động phải được: hoàn thành trong một thời gian hạn chế; có hiệu quả cao (trong thời gian hạn chế đó); sẵn sàng đáp ứng với yêu cầu thực tế; linh hoạt để có thể vận động nhanh chóng, thích ứng với những điều kiện khác nhau.

4) TDHTVĐ mang tính nghề nghiệp. Những người làm một nghề nhất định thường rất nhạy bén với những vấn đề của nghề đó và cho phép họ tiếp cận với những nguyên lí, quá trình, cách thức thực hiện các hệ vận động mới trong nghề đó nhanh hơn so với những người không làm nghề đó. Chẳng hạn, khi tập luyện một bài múa mới thì một diễn viên chuyên nghiệp nhanh chóng đạt yêu cầu hơn so với một diễn viên nghiệp dư.

Việc đề xuất khái niệm TDHTVĐ trong DHTH là dựa trên cơ sở phát triển và cụ thể hóa khái niệm tư duy hình tượng trong tâm lí học (diễn ra trong quá trình DHTH). TDHTVĐ mang những thuộc tính vốn có của tư duy nói chung, đồng thời mang tính đặc thù. GV nên định hướng DHTH nhằm phát triển TDHTVĐ của HV, mang lại hiệu quả dạy học tốt hơn so với cách dạy truyền thống. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Sinh Thành (chủ biên). **Phương pháp dạy học kỹ thuật công nghiệp**. NXB Giáo dục, H. 1999.
2. Nguyễn Văn Khôi. **Lí luận dạy học thực hành kỹ thuật**. Tài liệu giảng dạy chuyên đề cho học viên cao học, Khoa Sư phạm kỹ thuật, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2006.
3. Nguyễn Đức Trí. **Lí luận dạy thực hành nghề**. NXB Công nhân kỹ thuật, H. 1981.
4. Trần Khánh Đức. **Phát triển giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp**. NXB Giáo dục, H. 2002.
5. Dương Phúc Tý. **Phương pháp dạy học kỹ thuật công nghiệp**. NXB Khoa học và kỹ thuật, H. 2007.
6. John Collum. **Đào tạo để ứng dụng**. Dự án tăng cường năng lực các trung tâm dạy nghề, 2004.